

CÔNG KHAI CAM KẾT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Ngành: Quản lý kinh tế

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
A		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>a. Về văn bằng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng với chuyên ngành Quản lý kinh tế.- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Quản lý kinh tế và đã học các học phần bổ sung kiến thức.- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành. <p>b. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác với chuyên ngành Quản lý kinh tế phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm công tác mới được dự thi. <p>c. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.</p> <p>d. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Lâm nghiệp.</p>
II	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Học viên được cấp mã số học viên, thẻ học viên</p> <p>Chương trình đào tạo được cập nhật, có tóm tắt học phần, đề cương chi tiết học phần được công bố trên website</p> <p>Phòng học đúng chuẩn và được trang bị các phương tiện giảng dạy theo phương pháp mới</p> <p>Tài liệu chuyên ngành và có liên quan phong phú tại Thư viện trường.</p> <p>Phòng máy tính nối mạng, hệ thống wifi.</p> <p>Phòng thí nghiệm có trang thiết bị đầy đủ, đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập chuyên sâu</p>
B. Kết quả đạt được và chương trình đào tạo		
III	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nắm vững những kiến thức chuyên sâu và cập nhật về khoa học quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng;- Có khả năng tổ chức công tác quản lý trong các tổ chức kinh tế xã hội của nền kinh tế;- Có kiến thức và khả năng hoạch định, tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch, chiến lược, các chính sách, các dự án phát triển kinh tế xã hội;- Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển kinh tế xã

		<p>hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin để thực hiện công tác quản lý kinh tế. <p>Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng lãnh đạo và năng lực làm việc độc lập; - Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ hiện đại trong quản lý; - Có các kỹ năng phân tích và ra quyết định, kỹ năng quản lý và tổ chức sản xuất-kinh doanh, quản lý tài chính, quản lý nhân lực, lập kế hoạch, quản lý sự thay đổi, quản lý rủi ro.... - Có kỹ năng tốt trong giao tiếp và đàm phán. <p>Về đạo đức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; - Trung thực và tâm huyết với nghề đã chọn; - Đáp ứng được yêu cầu công tác cho mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội khác về lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế. <p>Về ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;</p>
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<p>Trở thành nhà nghiên cứu độc lập về các vấn đề kinh tế, quản lý kinh tế</p> <p>Tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các trường đại học và viện nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước.</p>
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tại mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội khác về lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế. - Giảng dạy và nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu, trường Đại học, Cao đẳng;... - Tư vấn, chuyên gia cho các cơ quan chính phủ và phi chính phủ về lĩnh vực quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng.
VI	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo công bố tại địa chỉ:

Chương trình đào tạo
Phần 1: Học phần bổ sung

1.1. *Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác ở bậc đại học để dự thi tuyển sinh thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế* (Thực hiện theo phục lục I – Quyết định số 730/QĐ-ĐHLN- ĐTSĐH ngày 5/6/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp). Cụ thể, Ngành đúng: Quản lý kinh tế; Ngành gần: Quản trị kinh doanh; Quản truh dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Kinh tế; Kinh tế quốc tế; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Kinh tế lâm nghiệp; Kinh tế thủy lợi; Kinh tế thủy sản; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai. Ngành khác là những ngành không có tên trong ngành đúng, ngành gần và ngành không cùng nhóm ngành Quản trị - Quản lý trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III.

1.2. *Quy định các môn học Bổ sung kiến thức*

- **Đối với ngành đúng:** Không phải học bổ sung kiến thức.

- **Đối với ngành gần:** Học bổ sung kiến thức tối đa 3 môn (Các ngành gần được quy định theo Quyết định số 730/QĐ-ĐHLN- ĐTSĐH ngày 5/6/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp).

Bảng 01. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức đối với ngành gần

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt Buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
1	QL	Quản trị học	3	x		35	10		Trước khi thi
2	QL	Kinh tế vi mô	3	x		35	10		
3	QL	Kinh tế vĩ mô	3	x		25	20		

- **Đối với ngành khác:** Học bổ sung kiến thức tối đa 5 môn:

Bảng 02. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức đối với ngành khác

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt Buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
1	Q	Quản trị học	3	x		35	10		Trước khi thi
2	Q	Kinh tế vi mô	3	x		35	10		
3	Q	Kinh tế vĩ mô	3	x		25	20		
4	Q	Quản lý nhà nước về kinh tế	2			22	8		
5	Q	Tài chính tiền tệ	2			22	8		

Phần 2. Các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

Bảng 03: Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			HK thực hiện
Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	
A – Phần kiến thức chung			7			
FUTH	501	Triết học (Philosophy)	4	3	1	I
FUTHA	502	Tiếng Anh I (English)	3	2	1	I
B – Phần kiến thức cơ sở			11			
B1-Các học phần bắt buộc			9			
QV0M	504	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	2	1,5	0,5	I,II
QV1M	505	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	2	1,5	0,5	I,II
QKQL	506	Khoa học quản lý (Management Sciences)	3	2	1	I,II
QTKK	507	Thống kê kinh tế (Economic Statistic)	2	1	1	I,II
B2-Các học phần tự chọn			2			
QTUD	508	Tin học ứng dụng trong QLKT (Applied Informatics in Economic Management)	2	1	1	I,II

QKTL	509	Kinh tế lượng (Econometrics)	2	1,5	0,5	I,II
C- Phần kiến thức chuyên ngành			32			
<i>C1- Các học phần bắt buộc</i>			<i>14</i>			
QQLN	510	Quản lý nhà nước về kinh tế (State Management on Economy)	2	1,5	0,5	II
QKCL	511	Kế hoạch và chiến lược phát triển KT-XH (Socio-Economic Development Strategy and Planning)	2	1,5	0,5	II
QKCC	512	Kinh tế công cộng (Public Economics)	2	1,5	0,5	II
QTCC	513	Tài chính công (Public Finance)	2	1,5	0,5	II
QCSC	514	Chính sách và quản lý công (Public Policy and Management)	2	1,5	0,5	II
QQTK	515	Quản trị kinh doanh (Business Management)	2	1,5	0,5	II
QPNK	516	Phương pháp NCKH trong quản lý kinh tế (Research Methodology in Economic Management)	2	1,5	0,5	II
<i>C2- Các học phần tự chọn</i>			<i>18</i>			
QKTQ	517	Kinh tế quốc tế (International Economics)	2	1,5	0,5	II,III
QTDT	518	Kinh tế và quản lý đầu tư (Investment Economics and Management)	2	1,5	0,5	II,III
QKPT	519	Kinh tế phát triển (Economics of Development)	2	1,5	0,5	II,III
QQNL	520	Quản lý nguồn nhân lực (Human Resource Management)	2	1,5	0,5	II,III
QQCD	521	Quản lý chương trình và dự án (Program and Project Management)	2	1,5	0,5	II,III
QMK	522	Marketing	2	1,5	0,5	II,III
QQKN	523	Quản lý kinh tế nông nghiệp (Agricultural Economic	2	1,5	0,5	II,III

		Management)				
QLKT	524	Luật Kinh tế (Economic Law)	2	1,5	0,5	II,III
QQHC	525	Quan hệ công chúng (Public Relations)	2	1,5	0,5	II,III
QPNT	526	Phát triển nông thôn (Rural Development)	2	1,5	0,5	II,III
QKQT	527	Kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường (Environmental and Natural Resource Economics and Management)	2	1,5	0,5	II,III
QTLH	528	Tâm lý học quản lý (Management Psychology)	2	1,5	0,5	II,III
QS1	529	Seminar	2	30		II,III
D- Luận văn tốt nghiệp			10			IV
Tổng cộng			60			